

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**TCVN 10056:2013
ISO 14930:2012**

Xuất bản lần 1

**DA – DA ĐỂ LÀM GĂNG TAY THỜI TRANG –
CÁC YÊU CẦU**

Leather – Leather for dress gloves – Specification

HÀ NỘI – 2013

Lời nói đầu

TCVN 10056:2013 hoàn toàn tương đương với ISO 14930:2012.

TCVN 10056:2013 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 120 *Sản phẩm da* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Da – Da để làm găng tay thời trang – Các yêu cầu

Leather – Leather for dress gloves – Specification

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử cho da thuộc crom và da thuộc phenol-nhôm-crom được sử dụng để sản xuất găng tay thời trang.

Tiêu chuẩn này không được áp dụng cho da sơn dương, da cừu, da dê và da thuộc phenol-nhôm hoặc da để làm găng tay an toàn hoặc găng tay thể thao.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 7115 (ISO 2419), *Da - Điều hòa mẫu thử để xác định tính chất cơ lý*;

TCVN 7116 (ISO 2588), *Da - Lấy mẫu - Số các mẫu đơn cho một mẫu tổng*;

TCVN 7117 (ISO 2418), *Da – Phép thử hóa, cơ lý và độ bền màu - Vị trí lấy mẫu*;

TCVN 7121 (ISO 3376), *Da - Phép thử cơ lý - Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài*;

TCVN 7122-2 (ISO 3377-2), *Da - Phép thử cơ lý - Xác định độ bền xé - Phần 2: Xé 2 cạnh*;

TCVN 7125 (ISO 3380), *Da – Phép thử cơ lý – Xác định độ bền co đến 100 °C*;

TCVN 7126 (ISO 4044), *Da – Phép thử hóa học - Chuẩn bị mẫu thử hóa*;

TCVN 7127 (ISO 4045), *Da – Phép thử hóa học – Xác định pH*;

TCVN 7130 (ISO 11640), *Da – Phương pháp xác định độ bền màu - Độ bền màu với các chu kỳ chà xát qua lại*;

TCVN 7835-B02 (ISO 105-B02), *Vật liệu dệt – Phép thử độ bền màu – Phần B02: Độ bền màu với ánh sáng nhân tạo: Phép thử bằng đèn xenon*;

TCVN 10053 (ISO 11641), *Da - Phép thử độ bền màu - Độ bền màu với mồ hôi*.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng thuật ngữ và định nghĩa sau:

3.1

Da thuộc phèn nhôm

Da thuộc trắng (alum tanned leather, tawed leather)

Da được chuẩn bị riêng với hỗn hợp có thành phần hoạt chất chính là muối nhôm, và thường, có thêm lòng đỏ trứng-phèn nhôm và bột.

CHÚ THÍCH Màu sắc tự nhiên của da là màu trắng.

3.2

Da cừu, da dê (chamois leather)

Da được làm từ da cừu, da dê hoặc da cừu non đã được nạo thịt hoặc từ da cừu hoặc da cừu non có mặt cắt được nạo bằng cách mài nhẹ và được thuộc do có sự tham gia của quá trình oxi hóa của dầu cá hoặc dầu động vật biển trong da, bằng sử dụng các dầu (dầu cừu, dê nguyên chất) hoặc trước tiên là aldehyt và sau đó là các dầu (hỗn hợp dầu cừu, dê).

3.3

Da thuộc phèn nhôm-crom (chrome-alum tanned leather)

Trước tiên da được thuộc crom xuyên hết độ dày, sau đó được xử lý hoặc được thuộc với tác nhân thuộc phèn nhôm.

3.4

Da thuộc crom (chrome tanned leather)

Da chỉ được thuộc với muối crom hoặc với muối crom và một lượng nhỏ các tác nhân thuộc khác được sử dụng để hỗ trợ công đoạn thuộc crom, và hàm lượng không đủ để thay đổi đặc tính thuộc crom ban đầu của da.

4 Các yêu cầu

Da để làm găng tay thời trang phải phù hợp với các yêu cầu được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Các yêu cầu cho da làm găng tay thời trang

Đặc tính	Yêu cầu	Phương pháp thử
pH của dung dịch chiết nước	$\geq 3,5$	TCVN 7127 (ISO 4045)
Δ pH của dung dịch chiết nước	nếu giá trị pH nhỏ hơn 4, Δ pH phải $\leq 0,7$	
Nhiệt độ co	$\geq 90\text{ }^{\circ}\text{C}$	TCVN 7125 (ISO 3380)
Độ bền màu đối với chà xát qua lại	Sự đổi màu và sự đầy màu của đệm ni để đánh giá Ni khô 50 chu kỳ ≥ 3 thang xám Ni ướt 10 chu kỳ ≥ 2 thang xám	TCVN 7130 (ISO 11640)
Độ bền xé	$\geq 15,0\text{ N}$	TCVN 7122-2 (ISO 3377-2)
Độ bền màu		
— với mồ hôi	≥ 3 thang xám (đối với găng tay không có lót)	TCVN 10053 (ISO 11641)
— với ánh sáng	≥ 3 thang xanh	TCVN 7835-B02 (ISO 105-B02)
Độ giãn dài tại 2 N/mm^2 , tính bằng phần trăm	$\geq 20\%$	TCVN 7121 (ISO 3376)

5 Lấy mẫu

5.1 Khi có thể, vị trí và nhận dạng mẫu phòng thí nghiệm phải phù hợp với TCVN 7117 (ISO 2418).

5.2 Số lượng mẫu phải có sự thỏa thuận giữa các bên liên quan, trừ trường hợp có tranh chấp thì số lượng mẫu phải được lấy theo TCVN 7116 (ISO 2588). Nếu kích cỡ lô da lớn, thì số lượng mẫu da tối đa là năm.

6 Chuẩn bị và điều hòa mẫu

6.1 Mẫu để thử tính chất vật lý và độ bền màu phải được chuẩn bị và điều hòa theo TCVN 7115 (ISO 2419).

6.2 Mẫu để phân tích hóa học phải được chuẩn bị theo TCVN 7126 (ISO 4044).

7 Báo cáo thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm phải bao gồm các thông tin sau:

- a) viện dẫn tiêu chuẩn này;
 - b) kết quả các phép thử liệt kê trong Bảng 1;
 - c) ngày và nơi thử;
 - d) chi tiết đầy đủ để nhận dạng mẫu thử;
 - e) các sai khác so với tiêu chuẩn này hoặc qui trình thử đã sử dụng.
-